CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

VIMCERTS 241 | ilac-MRA | AOSC VLAT-1.0596

| Số/No: 26.06.3789 | **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***TEST REPORT*** | *03/06/2026*<br>*Trang/Page:1/3* |
|---|---|---|

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ/ *Address* : 1738 Võ Nguyên Giáp, phường Phước Thắng, thành phố Hồ Chí Minh

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 26/05/2026

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 27/05/2026 – 02/06/2026

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* : Xem trang tiếp theo

**Phụ trách phòng thử nghiệm**
***The officer is in charge of the laboratory***

**Ths. Huỳnh Ngọc Thúy**

**P. Giám đốc**
***Vice Director***

**Dương Hoàng Thành**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*



TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
CN: 1527/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

VIMCERTS 241 ilac-MRA AOSC VLAT-1.0596

| Số/No: 26.06.3789 | **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* | 03/06/2026 Trang/Page:2/3 |
|---|---|---|

| | |
|---|---|
| Loại mẫu/ *Type of sample* | : Khí thải |
| Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* | : KT.052608 – Lò hơi (X=1155 669; Y=436 756) |

| TT *No* | Thông số *Parameters* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp lấy mẫu *Sampling method* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả *Result* | QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B (Kp=0,8; Kv=1,0)(W) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lưu lượng | $m^3/h$ | US EPA Method 2 | US EPA Method 2(*) | 1.314 | - |
| | | $Nm^3/h$ | | | 899 | |
| 2 | Bụi | $mg/Nm^3$ | US EPA Method 5 | US EPA Method 5(*) | 17 | 160 |
| 3 | $NO_x$ (tính theo $NO_2$) | $mg/Nm^3$ | ĐNHT-KT03 | ĐNHT-KT03(*) | 57,1 | 680 |
| 4 | $SO_2$ | $mg/Nm^3$ | ĐNHT-KT03 | ĐNHT-KT03(*) | 0 | 400 |
| 5 | CO | $mg/Nm^3$ | ĐNHT-KT03 | ĐNHT-KT03(*) | 200 | 800 |

Ghi chú/ *Note:*
*(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.*
*(W): Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.*
*KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*



TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
CN: 1527/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

| Số/No: 26.06.3789 | **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* | 03/06/2026 Trang/Page:3/3 |
|---|---|---|

| | |
|---|---|
| Loại mẫu/ *Type of sample* | : Nước thải |
| Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* | : NT.052602 – Sau HTXL (X=1155 731; Y=436 876) |
| Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* | : TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 8880:2011 |

| TT *No* | Thông số *Parameters* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả *Result* | QCVN 11-MT:2015/ BTNMT, CỘT A (Kq=0,9; Kf=1,0)(W) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | pH | -- | TCVN 6492:2011(*) | 7,07 | 6 – 9 |
| 2 | TSS | mg/L | TCVN 6625:2000(*) | 16 | 45 |
| 3 | $BOD_5$ | mg/L | TCVN 6001-1:2021(*) | 19 | 27 |
| 4 | COD | mg/L | SMEWW 5220C:2023(*) | 50 | 67,5 |
| 5 | $NH_4^+$_N | mg/L | TCVN 6179-1:1996(*) | 3,23 | 9 |
| 6 | Tổng Photpho | mg/L | TCVN 6202:2008(*) | 1,84 | 9 |
| 7 | Tổng Nitơ | mg/L | TCVN 6638:2000(*) | 21,7 | 27 |
| 8 | Clo dư | mg/L | SMEWW 4500-$Cl^-$: 2023(*) | 0,5 | 0,9 |
| 9 | Dầu, mỡ động thực vật | mg/L | SMEWW 5520B&F:2023(*) | KPH (MDL=1,0) | 9 |
| 10 | *Coliforms* | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2023(*) | 1.300 | 3.000 |

Ghi chú/ *Note:*
*(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.*
*(W): Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.*
*KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*



TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
CN: 1527/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com